TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2024/DS-PT
Ngày: 06, 09 tháng 05 năm 2024
V/v: "Tranh chấp di sản thừa kế".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà

Các Thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng

Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên cao cấp.

Vào các ngày 06 và 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số 507/2023/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp di sản thừa kế", do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4890/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số nhà 1012, tổ 6, khu dân cư H, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Sơn T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số nhà 1012, tổ 6, khu dân cư H, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1959, Công ty L3 - Đoàn Luật sư tỉnh Phú Thọ; Địa chỉ: Số nhà 2436, đường H, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

**** Bị đơn*:** Bà Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1962; địa chỉ: Số nhà 46, đường H, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự: Ông Lê Hữu L, Công ty L4 - Đoàn Luật sư tỉnh Phú Thọ; Địa chỉ: Số nhà 164, đường Â, phường T, thành phố V, Phú Thọ (Có đơn xin vắng mặt).

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Cụ Đoàn Thị T1, sinh năm 1939 (đã chết ngày 22/5/2023).

Người đại diện theo ủy quyền của cụ T1 trước khi chết: Anh Nguyễn Sơn T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số nhà 1012, tổ 6, khu dân cư H, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T1: Ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Thế V và bà Nguyễn Ngọc Y là đương sự trong vụ án. Bà Y có mặt; ông H có đơn xin vắng mặt; ông V vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Thế V, sinh năm 1960 (ủy quyền cho bà Y); Địa chỉ: K 8a54439, S, Cộng hòa liên bang Đức. Vắng mặt, ủy quyền cho bà Y.

3. Anh Nguyễn Sơn C, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Sơn T, sinh năm 1986 (có mặt).

5. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1958 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 1012, tổ 6, khu dân cư H, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

6. Văn phòng C3 (có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1953 là Công chứng viên; Địa chỉ: Số nhà 71, phố M, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

**** Người làm chứng:***

1. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1953 là Công chứng viên - Văn phòng C3; Địa chỉ số nhà 71, phố M, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có đơn xin vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Xuân C2, sinh năm 1982; Địa chỉ số nhà 1014, tổ 6, khu H, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có đơn xin vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1989; Địa chỉ số nhà 1012, tổ 6, khu dân cư H, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Sơn T thống nhất trình bày:

Ông nội anh là cụ Nguyễn Thế V1, sinh năm 1932, chết năm 1998. Khi chết cụ V1 không để lại di chúc, bà nội là cụ Đoàn Thị T1, sinh năm 1939. Ông bà nội anh sinh được ba người con là Nguyễn Tiến H, sinh năm 1958; Nguyễn Thế V, sinh năm 1960 và Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1962. Các cụ không có con nuôi.

Các cụ có quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là 87m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A226810 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 10/01/1991, là thửa đất số 155, tờ bản đồ số 02, tại phố G, phố T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Nguồn gốc đất là nhận chuyển nhượng của cụ Nguyễn Văn M và cụ Nguyễn Thị T2. Năm 2003 bà nội anh làm thủ tục hợp thức thêm diện tích 14,6m^2 diện tích đất thừa, được UBND thành phố V cấp giấy CNQSD đất số W638367 ngày 16/5/2003, số thửa được ký hiệu là 23, tờ bản đồ số 18, diện tích

101,6m^2. Như vậy 14,6m^2 là của riêng bà nội còn lại là tài sản chung của bà nội và ông nội.

Bố anh là ông Nguyễn Tiến H và các con hiện đang sinh sống ở đó, nay đề nghị chia di sản thừa kế của cụ V1, tuy nhiên bà Y, ông V không có quan điểm nhất trí nên ông H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ V1, ông H nhận đất và có nghĩa vụ thanh toán phần di sản thừa kế cho bà Y, ông V bằng tiền tại thời điểm giải quyết vụ án.

Ngoài ra hiện nay trên diện tích đất có ngôi nhà 2 tầng xây dựng khoảng năm 1993, 1994, diện tích 60m^2/01 sàn, nguồn tiền xây nhà chủ yếu do hai cụ bỏ ra, một phần tiền của ông V gửi về để hỗ trợ, còn bố mẹ anh (là bà Nguyễn Thị L1) mua các vật liệu xây dựng để xây dựng. Còn bà Y có đóng góp hay không thì anh không được biết.

Từ năm 1993, 1994 ngôi nhà được sửa chữa nhiều lần từ mái gạch đỏ, bố mẹ anh sửa chữa làm mái tôn, chít chát lại, thay cửa. Diện tích đất tăng thêm thì do bố mẹ anh thay đổi kết cấu công trình xây dựng.

Quan điểm của ông H thì thanh toán di sản thừa kế cho bà Y, ông V bằng tiền tương ứng với kỷ phần mỗi người được hưởng là diện tích đất 10,875m^2 và kỷ phần giá trị nhà.

Ngoài ra cụ V1 không còn di sản thừa kế nào khác.

Quan điểm của cụ T1 do anh T trình bày: Nhất trí chia di sản thừa kế của cụ V1 cho ông H, đồng thời tặng cho toàn bộ tài sản và di sản được hưởng cho cháu là anh Nguyễn Sơn T và anh Nguyễn Sơn C.

Quá trình giải quyết vụ án, cụ Đoàn Thị T chết.

Ngày 22/6/2023 anh Nguyễn Sơn T giao nộp chứng cứ cho tòa án là một bì thư của Văn phòng C3. Bên trong bì thư là di chúc viết hộ và di chúc được đánh máy, đều có chữ ký của Công chứng viên là bà Nguyễn Thị C1.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Y trình bày:

Về mối quan hệ gia đình như anh T trình bày là đúng. Về nguồn gốc đất thửa đất số 155 của bố mẹ bà là mua của cụ T2 và cụ M là đúng. Diện tích đất tăng thêm là cái ao do ông V đi bộ đội về và đổ 50 xe đất và sau này hợp thức hóa diện tích đất 14,6m^2 cũng do ông V gửi tiền về để hợp thức.

Tiền của ông V gửi về là 40.000 Đê Mác (Tiền của Đ) và 1 thùng hàng, khi đó bố mẹ bà là cán bộ nghỉ hưu về không có tiền, ông bà Hưng L2 lúc đó không có điều kiện kinh tế, không có đủ điều kiện để xây nhà. Giá trị của ngôi nhà trên đất là bằng nguồn tiền của ông V. Bà Y xác định bà không có công sức đóng góp gì đối với tài sản trên đất. Nay ông H khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ V1 quan điểm của bà là không đồng ý chia thừa kế.

Ông V đi Đ từ năm 1978, năm 1990 thì lập gia đình. Năm 1991 ông V gửi thùng hàng về. Sau đó cụ V1 cụ T1 có trình bày gia đình khó khăn thì ông V gửi tiền về để gia đình làm nhà. Bà Y xác định ngôi nhà 2 tầng làm từ thời điểm

năm 1993 có sự đóng góp của nhiều người, sau đó được sửa chữa 2 lần. Còn phần kiến thiết thêm là do ông H và L2 làm.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị C1 trình bày: Bà khẳng định khoảng thời gian 15-16 giờ ngày 23/11/2021 bà trực tiếp đến tận nhà cụ Đoàn Thị T1 để công chứng việc cụ T1 lập di chúc và anh Nguyễn Xuân C2 là người làm chứng có mặt. Về tinh thần của cụ T1 khi đó minh mẫn tỉnh táo nhưng tay yếu không viết được nên nhờ cháu viết hộ một bản.

Người làm chứng anh Nguyễn Xuân C2 trình bày: Anh khẳng định là anh được gia đình cụ T1 mời sang làm chứng di chúc, khi đó tinh thần của cụ T minh mẫn tỉnh táo. Anh là người được Công chứng viên Nguyễn Thị C1 hướng dẫn ký vào các tờ của bản di chúc.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Thu H1 trình bày: Chị khẳng định chị là người viết hộ di chúc cho cụ T1, viết bằng bút mực, có người làm chứng, khi đó tinh thần của cụ T minh mẫn tỉnh táo.

Tại phiên tòa di chúc của cụ Đoàn Thị T1 được chủ tọa phiên tòa công bố, bà Nguyễn Ngọc Y và người bảo vệ quyền lợi phản đối di chúc, cho rằng cụ T1 không minh mẫn khi lập di chúc, người làm chứng không ký vào trang thứ nhất của di chúc, không có thủ tục mời người làm chứng.

Tại phiên tòa ngày 29/8/2023 bà Y xin rút giải quyết khoản tiền, thùng hàng ông V gửi về cho cụ V1, cụ T1; khoản tiền cho ông H vay và công sức tôn tạo đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

[1] Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 609, 610, 612, 613, 618, 623, 628, 635, 639, 649, 650, 651, 659, và 660; khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 44, 48, 49 và 56 Luật Công chứng năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thế V1.

Chấp nhận yêu cầu bổ sung của anh Nguyễn Sơn T và anh Nguyễn Sơn C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đoàn Thị T1 và công nhận di chúc của cụ Đoàn Thị T1 là hợp pháp.

Xác nhận di sản thừa kế chung của cụ Nguyễn Thế V1 và cụ Đoàn Thị T1 là quyền sử dụng đất diện tích 101,6m^2 (cụ T1 có riêng 14,6m^2) được UBND thành phố V cấp giấy CNQSD đất số W638367 ngày 16/5/2003, số thửa được ký hiệu là 23, tờ bản đồ số 18 và tài sản gắn liền với đất.

Xác nhận di chúc do cụ Đoàn Thị T l tại Văn phòng C3 ngày 23 tháng 11 năm 2021, số công chứng 4988/DC, Quyển số 06.2021 TP/CC SCC/HĐGD là hợp pháp.

Xác nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thế V1 là quyền sử dụng 43,5m^2

đất theo giấy CNQSDĐ nêu trên và được chia theo pháp luật.

Xác nhận di sản thừa kế của cụ Đoàn Thị T1 là quyền sử dụng 58,1m^2 đất theo giấy CNQSDĐ nêu trên và được hưởng di sản thừa kế của cụ V1 là 10,875m^2 đất, tổng là 68,975m^2 và được tặng cho anh Nguyễn Sơn T và anh Nguyễn Sơn C.

Xác nhận ông Nguyễn Tiến H tặng cho quyền về tài sản là quyền sử dụng đất được hưởng thừa kế của cụ Nguyễn Thế V1 cho hai con trai là anh Nguyễn Sơn T và anh Nguyễn Sơn C.

Xác nhận quyền sở hữu đối với toàn bộ công trình trên thửa đất trên là của anh Nguyễn Sơn T và anh Nguyễn Sơn C do cụ Đoàn Thị T1, ông Nguyễn Tiến H và Nguyễn Thị L1 tặng cho.

[2] Chia di sản thừa kế như sau:

[2.1] Anh Nguyễn Sơn T và anh Nguyễn Sơn C được quyền sử dụng chung diện tích 101,6m^2 đất được UBND thành phố V cấp giấy CNQSD đất số W638367 ngày 16/5/2003 (hiện đứng tên cụ Đoàn Thị T1), số thửa được ký hiệu là 23, tờ bản đồ số 18 và tài sản gắn liền với đất (đất có giá trị là 1.799.833.650 đồng). Địa chỉ thửa đất: Số nhà 1012, tổ 6, khu dân cư H, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

[2.2] Anh Nguyễn Sơn T và anh Nguyễn Sơn C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Thế V và bà Nguyễn Ngọc Y, mỗi người 283.772.250 đồng *(hai trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi hai ngàn, hai trăm năm mươi đồng)*, kỷ phần mỗi người bằng ½.

[2.3] Xác nhận ông Nguyễn Tiến H, anh Nguyễn Sơn T và anh Nguyễn Sơn C tự nguyện thanh toán cho ông Nguyễn Thế V 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng).* Anh Nguyễn Sơn T và anh Nguyễn Sơn C có nghĩa vụ thanh toán thay cho ông Nguyễn Tiến H, kỷ phần mỗi người bằng ½.

[2.4] Anh Nguyễn Sơn T và anh Nguyễn Sơn C có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục hành chính để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án khi có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2023, bị đơn bà Nguyễn Ngọc Y có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Ngọc Y thay đổi nội dung kháng cáo chỉ yêu cầu Tòa án xem xét lại bản di chúc của cụ Đoàn Thị T1 được công chứng tại Văn phòng C3 ngày 23/11/2021. Còn đối phần di sản của cụ Nguyễn Thế V1, Tòa án sơ thẩm đã phân chia bà hoàn toàn nhất trí.

Nguyên đơn và người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ngọc Y; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và người đại diện theo ủy quyền. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc Y trong thời hạn, đúng quy định nên được chấp nhận để xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa và vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án đã được Toà án cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[2] Về nội dung, xét kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc Y, thấy: Tại bản án sơ thẩm đã xác định:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất nội dung: Cụ Nguyễn Thế V1, sinh năm 1932, chết năm 1998 và cụ Đoàn Thị T1, sinh năm 1939 là vợ chồng. Khi chết cụ V1 không để lại di chúc. Hai cụ có ba người con là Nguyễn Tiến H, sinh năm 1958; Nguyễn Thế V, sinh năm 1960 và Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1962 (không có con nuôi, không có con riêng). Các cụ có quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là 87m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A226810 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 10/01/1991, là thửa đất số 155, tờ bản đồ số 02, tại phố G, phố T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Nguồn gốc đất là nhận chuyển nhượng của cụ Nguyễn Văn M và cụ Nguyễn Thị T2. Ông Nguyễn Tiến H và các con hiện đang sinh sống ở đó.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thế V1 và cụ Đoàn Thị T1 là ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Thế V và bà Nguyễn Ngọc Y.

Các đương sự thừa nhận nên là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về di chúc: Ngày 22/6/2023 anh Nguyễn Sơn T nộp cho Tòa án chứng cứ của vụ án là bản di chúc của cụ Đoàn Thị T1 công chứng tại Văn phòng C3 ngày 23/11/2021, bản công chứng này kèm theo bản viết tay đều có người làm chứng là anh Nguyễn Xuân C2, có chữ ký của người viết hộ là

Nguyễn Thị Thu H1, có sự chứng kiến của Công chứng viên, cụ T1 điểm chỉ ngón trỏ phải. Phía nguyên đơn đề nghị công nhận di chúc, phía bị đơn cho rằng bản công chứng trên không hợp pháp. Bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh cụ T1 bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự.

Tuy nhiên căn cứ vào bản di chúc có công chứng, căn cứ bản chứng thực của UBND phường T ngày 09/12/2021, căn cứ lời khai của Công chứng viên, người làm chứng và các chứng cứ thu thập được đủ cơ sở xác định bản di chúc của cụ Đoàn Thị T1 được công chứng tại Văn phòng C3 ngày 23/11/2021 là đúng ý chí của cụ Đoàn Thị T1, đúng quy định tại Điều 44, 48, 49 và 56 Luật Công chứng năm 2014.

Người làm chứng là anh C2 không ký vào trang thứ nhất của di chúc, chị H1 là vợ anh T (người có quyền lợi, liên quan) viết hộ di chúc là không đúng quy định về công chứng, không đúng quy định về di chúc bằng văn bản, hồ sơ công chứng không có thủ tục mời người làm chứng là có thiếu sót. Nhưng các nội dung trên không làm thay đổi bản chất của sự việc.

[2.3] Về diện tích đất tăng thêm sau khi cụ V1 chết:

Ông Nguyễn Thế V và bà Nguyễn Ngọc Y cho rằng phần đất 14,6m^2 đất thừa tăng thêm là do ông V mua và ông V cải tạo. Tuy nhiên đương sự không đưa ra được căn cứ chứng minh. Phần đất này thực tế được đăng ký sử dụng và hợp thức sau thời điểm cụ V1 đã chết.

Theo hồ sơ Văn phòng ĐKĐĐ và PTQĐ thuộc UBND thành phố V cung cấp thì cụ Đoàn Thị T1 là người đăng ký để hợp thức phần đất 14,6m^2 đất thừa, được UBND thành phố V cấp giấy CNQSD đất số W638367 ngày 16/5/2003, số thửa được ký hiệu là 23, tờ bản đồ số 18, diện tích 101,6m^2. Nên quan điểm của bà Y và ông V về nội dung này không được cấp nhận.

[2.4] Về tài sản là công trình trên đất:

Diện tích đất có ngôi nhà 2 tầng xây dựng năm 1993, 1994, diện tích 60m^2/01 sàn. Đương sự thừa nhận cụ Nguyễn Thế V1 và cụ Đoàn Thị T1 đứng ra xây dựng có sự đóng góp của ông Nguyễn Thế V. Ông V không đưa ra được chứng cứ chứng minh đóng góp cụ thể là bao nhiêu trong ngôi nhà trên. Xét việc ông V có đóng góp cho bố mẹ làm nhà là quyền, nghĩa vụ của con cái đối với cha mẹ, hiện nay giá trị ngôi nhà không đáng kể (có giá trị là 31.624.400 đồng), thời hiệu thừa kế đối với bất động sản của cụ V1 đã hết (không có yêu cầu áp dụng thời hiệu) nên không xem xét quyền lợi của ông V trong giá trị tài sản còn lại. Nhưng tại phiên tòa, đại diện cho nguyên đơn nhất trí thanh toán 1/3 giá trị còn lại bằng tiền cho ông V, nên chấp nhận sự tự nguyện của đương sự.

Các công trình khác được cơi nới đương sự không có tranh chấp thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Tiến H.

[2.5] Về di sản thừa kế là quyền sử dụng đất:

Quyền sử dụng đất theo Giấy CNQSDĐ số W638367 ngày 16/5/2003, số thửa được ký hiệu là 23, tờ bản đồ số 18, diện tích 101,6m^2 thuộc quyền sử dụng

của cụ Nguyễn Thế V1 và cụ Đoàn Thị T1 (cụ T1 có riêng 14,6m^2). Di sản thừa kế của cụ V1 tương ứng với 43,5m^2. Người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ V1 gồm cụ Đoàn Thị T1, ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Thế V và bà Nguyễn Ngọc Y, mỗi người được hưởng 10,875m^2.

Quá trình giải quyết vụ án cụ Đoàn Thị T1 đã chết và có di chúc tặng cho phần tài sản riêng và phần tài sản thừa kế cho các cháu nội là anh Nguyễn Sơn T và anh Nguyễn Sơn C. Ông Nguyễn Tiến H cũng đồng ý tặng cho phần tài sản được hưởng thừa kế cho con trai là anh Nguyễn Sơn T và anh Nguyễn Sơn C, đồng thời hai anh thực hiện nghĩa vụ thay cho cụ T1 và ông H.

Do kỷ phần được hưởng của ông Nguyễn Thế V và bà Nguyễn Ngọc Y ít hơn nhiều so với tổng giá trị tài sản, người thừa kế khác đã ở ổn định trên thửa đất, đồng thời diện tích thửa đất phần mặt cắt với đường giao thông là 6m không đủ điều kiện để tách thửa (tối thiểu mặt cắt với đường giao thông là 4m theo quy định của UBND tỉnh P). Do vậy cần giao tài sản là quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Sơn T và anh Nguyễn Sơn C. Quyền thừa kế về tài sản ông Nguyễn Thế V và bà Nguyễn Ngọc Y được tính bằng giá trị, bên nhận tài sản sẽ phải thanh toán bằng tiền.

Kết quả thẩm định tại chỗ, phần đất cụ Đoàn Thị T quản lý sử dụng thừa 17,6m^2 phần đất này chưa được cấp có thẩm quyền giao đất, do vậy không là di sản thừa kế nên không thuộc thẩm quyền giải quyết trong vụ án.

[2.6] Về công quản lý di sản: Đương sự không yêu cầu.

[2.7] Về định giá, thẩm định giá:

Đương sự không thống nhất giá trị tài sản. Cụ thể bị đơn không yêu cầu định giá, không công nhận kết quả thẩm định giá, cũng không phản đối kết quả thẩm định giá và cho rằng giá trị đất cao hơn kết quả thẩm định nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh.

Báo cáo kết quả thẩm định giá ngày 06/02/2023 của Chi nhánh Công ty cổ phần T3 tại Phú Thọ. Giá trị toàn bộ thửa đất bằng 2.651.150.400 đồng (26.094.000 đồng/1m^2); được HĐXX chấp nhận làm cơ sở giải quyết vụ án. Phần di sản ông V và bà Y mỗi người được hưởng 10,875m^2 tương ứng số tiền là 283.772.250 đồng.

Do đó, tại bản án sơ thẩm đã xác định việc chia di sản thừa kế đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc Y về việc chia thừa kế phần di sản của cụ Đoàn Thị T1 theo pháp luật là không có căn cứ nên không chấp nhận là đúng quy định.

Tại cấp phúc thẩm, bà Y không cung cấp thêm chứng cứ mới để có thể làm thay đổi bản chất vụ án. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Y.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc Y là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ngọc Y.

[2] Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

[3] Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Ngọc Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu luật pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hà